

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+RCDM+RC10	7:25	22+0+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	Chuyen 1 RCDM-RC10
2		BK10+TD3+P3	7:25	0+21+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	Chuyen 1 BK10- P3
3		PVD1+TD3	7:25	8+12	0+0		4+18	0+0	
4		RP3+P10+TD5	9:25	6+9+7	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
5		BK9+TD5+TD3	9:25	1+19+0	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 4 người đi/ 13 người về P7 qua TD3
2/ 13 người đi / 9 người P9 về bờ qua TD5
3/ 4 người TD5 về bờ chuyển đầu, đi RP3 chuyển sau

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5 - RCDM - RC10	CREW: TTrung - Mạnh - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHU Y	TD5				30	78	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH DUY THANH	TD5	78	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	DINH VAN SU	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THE	TD5	66	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN DUY DUC	TD5	75	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	VU HUNG CUONG	TD5	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH DUONG	TD5	24	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	VU XUAN ANH	TD5	63	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	BAO NGUYEN LOC	TD5	23	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG ANH TUAN	TD5	65	1	10		61	XLAP	Russian
11	TRAN HUU DUC	TD5	64	1	8		80	XLAP	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HIEN	TD5	80-82	3	19		80	XLAP	Russian
13	DANG ANH TUAN	TD5	83	1	5		80	XALP	Vietnamese
14	HAMSIR BIN ASHARI	TD5	70-72	3	18		60	NHA THAI	Malaysian
15	CAO VAN HUAN	TD5	69	1	5		72	NHA THAI	Vietnamese
16	NGO AN CHUNG	TD5	22	1	5		65	KTHAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEN	TD5	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN DUY	TD5	67	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC MINH	TD5	84	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	LE ANH NGUYEN	TD5	77	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG VAN KHAI	TD5	68	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	MOHD FARUQH HAKIMI BIN	TD5	73-74	2	12		50	NHA THAI	Malaysian

FLIGHT PLAN

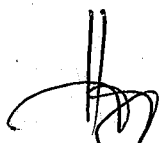
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	25	142	1.538	30	12		CHUYEN 01 PAX TU RCDM SANG RC10
2	RCDM	0	0	0	0	0	0	+1	
3	RC10	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	25	142	1.538	30	22		
WEIGHT KG				142	1.538	30			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: MI	TO: BK10 - TD3 - P3	CREW: Linh - MMinh - Vũ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	03	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN KHOA	TD3	08	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	DO DUY CHINH	TD3	10	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
4	KHUAT QUANG KIEN	TD3	04	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN TUAN ANH	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUNG	TD3	05	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN PHI HUNG	TD3	02	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DU	TD3	12	1	5	15	70	Y TE	Vietnamese
10	OLEINIK IVAN	TD3	06	1	6		73	KHOAN	Russian
11	PHAM VIET DUNG	TD3	21-23	3	16		70	KHOAN	Vietnamese
12	PADKATILIN A.N	TD3	07	1	8		82	KHOAN	Russian
13	NGUYEN VAN HUNG	TD3	09	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUAN	TD3	19	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN CONG MINH	TD3	18	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN NGOC TUAN	TD3	16	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN TUAN	TD3	20	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN BIEN	TD3	17	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN CANH THAC	TD3	01	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NHAN	TD3	15	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM NGOC DUNG	TD3	11	1	6		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

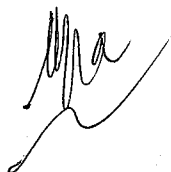
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	20	0+	1	CHUYEN 01 PAX BK10 - P3
2	TD3	21	21	125	1.514	15	19		
3	P3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	21	125	1.514	35	22		
WEIGHT KG				125	1.514	35			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

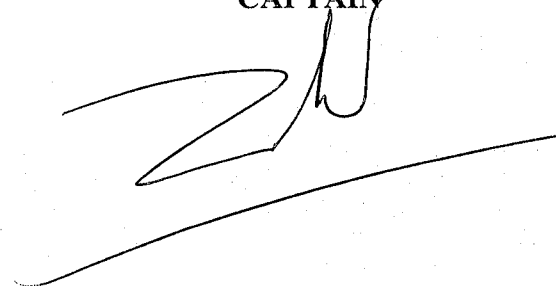
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/04/2023	TO: PVD1 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - MUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY TU	PVD1	13-14	2	15		74	STERLING	Vietnamese
2	DANG KHAC DUONG	PVD1	05-06	2	11		80	ASIAN ENG	Vietnamese
3	MICHAEL RAY BUDROW	PVD1	02-03	2	15		90	PVD DD	American
4	NGUYEN BA THANG	PVD1	10-11	2	12		77	PVD DD	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TUAN	PVD1	07-09	3	16		62	PVD DD	Vietnamese
6	TRAN ANH KHOA	PVD1	01,77	2	18		74	PVD DD	Vietnamese
7	NGO THANH DOAN	PVD1	12	1	5		55	PVD DD	Vietnamese
8	TO VAN DUC	PVD1	04	1	5		65	VTB	Vietnamese
9	LE TU HOP	TD3	88	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DINH QUY	TD3	85	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG VIET	TD3	84	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VIET THANH LUAN	TD3	86	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGO DUY THANH	TD3	87	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VIET THANG	TD3	89	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	YUKHIMCHUK	TD3	99	1	10		84	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN XUAN DONG	TD3	93	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN AN NINH	TD3	94	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	DO VAN HIEU	TD3	92	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG LONG	TD3	90	1	9	42	60	DVL	Vietnamese
20	TRAN THAI AN	TD3	91	1	15		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	8	15	97	577	0	4		
2	TD3	12	12	104	840	42	18		
TOTAL		20	27	201	1.417	42	22		
WEIGHT KG				201	1.417	42			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

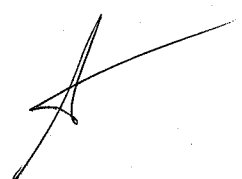
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP3 - P10 - TD5	CREW: HUNG - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN MANH TOAN	RP3	77-78	2	10		73	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HUU MANH	RP3	79	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	DOAN VAN MUOI	RP3	80	1	15		62	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN VAN KHUU	RP3	82	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM THANH TUNG	RP3	83	1	11		94	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC VIET	RP3	91	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THE TIEN	P10	83-84	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN TAI	P10	89	1	6		75	PSV	Vietnamese
9	TRAN VIET LY	P10	85	1	7		80	PSV	Vietnamese
10	PHAM THE CONG	P10	88	1	5		57	PSV	Vietnamese
11	PHAM BA KHANH	P10	90	1	10		70	PSV	Vietnamese
12	DAO VAN DUNG	P10	86	1	3		76	PSV	Vietnamese
13	JOHNNY SUMANDA	P10	92-93	2	15		64	NHATHAU	Filipino
14	NGUYEN PHI HUNG	P10	91	1	7		78	NHATHAU	Vietnamese
15	MAI QUANG PHU	P10	87	1	6		60	NHATHAU	Vietnamese
16	DANG DINH THO	TD5	87	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
17	BUI DUC TOAN	TD5	93	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
18	LUU THE DIEN	TD5	54	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
19	LE TIEN DUNG	TD5					71	KHOAN	Vietnamese
20	TO THANH HUNG	TD5	88-89	2	12		56	KHOAN	Vietnamese
21	DINH DUC KIEN	TD5	92	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN ANH TUE	TD5	91	1	4		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	6	7	60	407	0	0		
2	P10	9	11	71	640	0	6		
3	TD5	7	7	36	470	0	16		
TOTAL		22	25	167	1.517	0	22		
WEIGHT KG				167	1.517	0			

GRAND TOTAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/04/2023	TO: BK9 - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - Mạnh - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TO CONG TANH	BK9	83	1	5		65	PSV	Vietnamese
2	TRAN MINH CONG	TD5	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CAO KHANH	TD5	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	LUU XUAN HANH	TD5	64	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	DAO QUANG MINH	TD5	65	1	5		80	KHOAN	Russian
6	BELIAEV	TD5	51	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	HO NGOC BEN	TD5	53	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VU HOANG TAN	TD5	72	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
9	DO MINH HOANG	TD5	75	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VU MINH DUC	TD5	72-73	2	18		95	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG THANH	TD5	57	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	TRAN VAN NAM	TD5	26	1	5		66	PSV	Vietnamese
13	BUI VAN THUAN	TD5	68-70	3	18		75	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HONG	TD5	55	1	5		53	PSV	Vietnamese
15	HO MINH XUAN	TD5	71	1	8		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LUAN	TD5	59-60	2	14		72	NT DATA	Vietnamese
17	PHAM HUY THUONG	TD5	58	1	10		86	NT DATA	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VIET	TD5	61	1	5		70	NT DATA	Vietnamese
19	LO XUAN PHU	TD5	62-63	2	10		70	NT DATA	Vietnamese
20	DO QUOC THANH MINH	TD5	52	1	12		90	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

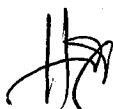
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	1	1	5	65	0	0		
2	TD5	19	24	175	1.406	0	14		
3	TD3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		20	25	180	1.471	0	22		
WEIGHT KG				180	1.471	0			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

